

Yêu người nông núi (Nguyễn Ngọc Tu) và *Đến độ hoa vàng* (Đỗ Bích Thúy) từ góc nhìn cổ mẫu

An analysis of *Yeu nguoi ngong nui* (Nguyen Ngoc Tu) and *Den do hoa vang*
(Do Bich Thuy) from the archetypal perspective

Hoàng Thị Thùy Dương^{a*}
Hoang Thi Thuy Duong^{a*}

^aKhoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
^aFaculty of Linguistics and Literature, Ho Chi Minh University of Pedagogy, Ho Chi Minh City, Vietnam

(Ngày nhận bài: 31/07/2024, ngày phản biện xong: 30/09/2024, ngày chấp nhận đăng: 24/10/2024)

Tóm tắt

Nguyễn Ngọc Tu, Đỗ Bích Thúy là những nhà văn nữ tiêu biểu của văn học Việt Nam đương đại. Hai nhà văn này viết nhiều tác phẩm văn xuôi phi hư cấu, tiêu biểu trong số đó là tản văn, thể hiện đậm nét cuộc sống và con người Việt Nam. Hai tản văn *Yêu người nông núi* (Nguyễn Ngọc Tu), *Đến độ hoa vàng* (Đỗ Bích Thúy) chứa đựng các cổ mẫu như nước, đất, mây, trời, cánh đồng, cây, người phụ nữ... Các cổ mẫu mang những ý nghĩa khác nhau. Điểm chung của các cổ mẫu là đã có từ lâu đời, thể hiện sự gắn bó của con người và tự nhiên, thể hiện đời sống tâm hồn của con người, tạo nên sự đồng cảm trong lòng người đọc. Bài viết trình bày các dạng thức và ý nghĩa của các cổ mẫu tiêu biểu trong văn xuôi phi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tu, Đỗ Bích Thúy; gồm cổ mẫu nước, đất, cây và người nữ. Từ đó, bài viết góp phần trình bày và lí giải sự tương đồng và khác biệt của các cổ mẫu trong tản văn của hai nhà văn này.

Từ khóa: cổ mẫu; văn xuôi phi hư cấu; Nguyễn Ngọc Tu; Đỗ Bích Thúy.

Abstract

Nguyen Ngoc Tu and Do Bich Thuy are typical female writers in contemporary Vietnamese literature. These two writers have written many non-fiction prose works, particularly short prose pieces which vividly depict Vietnamese life and people. Two works of short prose *Yeu nguoi ngong nui* and *Den do hoa vang* contain archetypes such as water, earth, clouds, sky, fields, trees, and woman. These archetypes carry different meanings but share a common thread of longstanding archetypes, reflecting the long-lasting bond between humans and nature, showing the spiritual lives of people, creating sympathy in the hearts of readers. This article presents the forms and meanings of archetypes in non-fiction prose by Nguyen Ngoc Tu and Do Bich Thuy including archetypes of water, earth, trees and women. Thereby, the article contributes to presenting and explaining the similarities and differences of the archetypes in these works of these two writers.

Keywords: archetypes; non-fictional prose; Nguyen Ngoc Tu; Do Bich Thuy.

*Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Thùy Dương
Email: duonghtt@hcmue.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Huyền thoại học (mythology) là ngành khoa học nghiên cứu về huyền thoại. Trong đó, huyền thoại được hiểu là các quan niệm hoang đường về thế giới nằm rải rác trong văn hóa các tộc người, từ truyện kể, tôn giáo, nghệ thuật... Huyền thoại học có cội nguồn từ sự tìm hiểu của khoa dân tộc học đối với những tài liệu huyền thoại của các dân tộc trên thế giới. Trải qua quá trình phát triển bền bỉ, huyền thoại học đã có những đóng góp lớn lao cho hiểu biết của con người về huyền thoại. Một trong những lý thuyết của huyền thoại học là lý thuyết phân tâm học với hai đại diện tiêu biểu là Sigmund Freud và Carl Gustav Jung. Nhà tâm lý học người Thụy Sĩ Carl Gustav Jung (1875 - 1961) đã xác lập khái niệm Archetype vào năm 1912. Thuật ngữ *archetype* hay còn gọi là vết tích bản cổ, hình ảnh nguyên thủy, cổ mẫu, siêu tượng, mẫu gốc... Theo Jung, đó là “những yếu tố tâm thần không thể cắt nghĩa được bằng một sự việc xảy ra trong đời sống cá nhân, nó hình như bẩm sinh đã có, có từ nguyên thủy, nó là một thành phần trong gia tài tinh thần của nhân loại” [3, tr.96]. Cổ mẫu là sự hiện hữu cụ thể của kinh nghiệm tâm linh nhân loại. Nó có sức sống mạnh mẽ trong hoạt động sáng tạo của con người, đặc biệt là văn học. Việc tìm hiểu cổ mẫu trong tác phẩm văn học sẽ cho thấy hình thái, chức năng gốc của cổ mẫu trong tư duy huyền thoại và sự chuyển hóa của nó trong tác phẩm văn học. Qua đó, giá trị của tác phẩm không chỉ được khám phá về mặt nội dung và nghệ thuật mà còn ở chiều sâu văn hóa nhân loại.

Trong văn học viết, loại hình tự sự gồm văn xuôi hư cấu (fiction) và văn xuôi phi hư cấu (non-fiction). Trong đó, văn xuôi hư cấu, bao gồm truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết... là những văn bản dựa trên một câu chuyện tưởng tượng của nhà văn. Văn xuôi phi hư cấu bao gồm kí sự, phóng sự, bút kí, nhật kí, hồi kí, tùy bút, tản văn... là những văn bản dựa trên những tư

liệu xác thực. Tản văn phản ánh đời sống một cách ngắn gọn, giàu sức khơi gợi. Tản văn thường không có cốt truyện hoàn chỉnh, gay cấn nhưng hấp dẫn người đọc bằng cá tính của tác giả, bằng những nét chấm phá giàu sức khơi gợi nhận thức và cảm xúc trong lòng người đọc.

Hai nhà văn Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Bích Thúy viết nhiều tác phẩm văn xuôi phi hư cấu, tiêu biểu trong số đó là tản văn, thể hiện đậm nét cuộc sống và con người Việt Nam. Tác phẩm của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư thể hiện đậm nét cuộc sống và con người Nam Bộ. Tác phẩm của nhà văn Đỗ Bích Thúy, thể hiện cuộc sống và con người miền núi Bắc Bộ. Bài viết này khảo sát hai tác phẩm tản văn tiêu biểu của Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Bích Thúy: *Yêu người ngóng núi* [6] và *Đến độ hoa vàng* [2]. Dù ở hai vùng miền khác nhau, các nhà văn nữ này đã thể hiện cái nhìn có nhiều sự tương đồng về nỗi khát khao được trở về quê hương, được giao hòa cùng tự nhiên, được sống trong tình yêu thương của gia đình và làng quê. Tuy nhiên, mỗi tác phẩm thể hiện những nét văn hóa đặc trưng của mỗi vùng miền. Các cổ mẫu đã đi vào tác phẩm văn học, thể hiện sự gắn bó của con người và tự nhiên, của người và người, tạo nên sự đồng cảm trong lòng người đọc. Bài viết này trình bày các dạng thức và ý nghĩa của các cổ mẫu tiêu biểu trong tản văn của Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Bích Thúy. Từ đó, bài viết góp phần trình bày phong cách nghệ thuật và sự đóng góp của hai nhà văn nữ này đối với văn học Việt Nam đương đại.

2. Cổ mẫu trong *Yêu người ngóng núi* (Nguyễn Ngọc Tư), *Đến độ hoa vàng* (Đỗ Bích Thúy)

Bài viết khảo sát hai tản văn tiêu biểu của Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Bích Thúy. Nhiều cổ mẫu đã đi vào các tản văn này. Các cổ mẫu vừa thể hiện cuộc sống và con người Việt Nam, vừa thể hiện những kí ức tâm linh của nhân loại. Trong đó, các cổ mẫu tiêu biểu nhất là cổ mẫu nước, cổ mẫu đất, cổ mẫu cây, cổ mẫu người nữ.

2.1. Cổ mẫu nước

Cổ mẫu nước thường chia thành nhiều hình thái rõ rệt như biển, sông, suối, đầm, rạch, giếng, mưa, mây... Theo cuốn *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số* [1] cổ mẫu nước mang nhiều ý nghĩa “những ý nghĩa tượng trưng của nước có thể quy về ba chủ đề chiếm ưu thế: nguồn sống, phương tiện thanh tẩy, trung tâm tái sinh. Ba chủ đề này thường gặp trong những truyền thuyết cổ xưa nhất và hình thành những tổ hợp hình tượng đa dạng nhất và đồng thời cũng chặt chẽ nhất” [1, tr.709]. Thật vậy, nước có thể mang lại sự sống, sự sinh sôi nảy nở. Nước chảy từ nguồn, nước của sự sống được coi là một biểu tượng về nguồn gốc vũ trụ. Hơn nữa, nước với bản chất thanh khiết có thể thanh lọc vạn vật và năng lực cứu sinh.

Trong *Yêu người ngóng núi* (Nguyễn Ngọc Tư), nước là biển, sông, rạch, đìa... gắn liền với tuổi thơ. Người dân thường chạy xuồng, ghe đê chài lưới, để di chuyển từ nhà này sang nhà khác, từ vùng này sang vùng khác. Khi ra khỏi ngôi nhà, trước mắt con người là khoảng không trong xanh của nước. Trong đó, biển không gần gũi với con người bằng những hình thái khác. Trong *Không dấu vết (Yêu người ngóng núi)*, biển gắn liền với nỗi ám ảnh trái đất sẽ nóng dần lên, băng sẽ tan, châu thổ sẽ ngập trong nước biển. Con sông, rạch, đìa... gắn liền với hình ảnh người mẹ hằng ngày bơi xuồng tới nhà máy gạo (*Hoàng hôn rộn rã - Yêu người ngóng núi*). Trong *Đến độ hoa vàng* (Đỗ Bích Thúy), nước là sông Lô, suối, khe, ao... Người dân đi bắt cá, tôm, lấy rêu, lấy nước từ sông suối. Sông còn mang phù sa cho ruộng đồng, giúp vạn vật duy trì sự sống “nếu như dòng sông này không còn thì cánh đồng sẽ khô cằn. Chỉ một năm không có phù sa là những con trâu khỏe nhất cũng sẽ phải gục ngã trước mũi cày” [2, tr.55]. Vùng đất Nùng Ánh còn gắn liền với huyền thoại về cuộc chiến của một người trai làng và một thủy thần. Trong *Cái chậu gỗ và đàn ong (Đến độ hoa vàng)*, dòng

sông gắn liền với những cột mốc trong cuộc đời con người. Khi có một đứa bé mới sinh, người ta mang chậu gỗ ra sông, múc nước sông về rửa mặt cho đứa bé. Trước khi mất, con người cũng mong muốn được rửa mặt lần cuối bằng nước sông. Nước trở thành phương tiện để thanh tẩy, không thể thiếu trong những nghi lễ của cuộc đời con người.

Các hình thái của cổ mẫu nước rất thân thuộc với con người nhưng cũng ẩn chứa những sức mạnh to lớn. Tác phẩm *Yêu người ngóng núi* đã cảnh báo vấn đề sinh thái trong cuộc sống đương đại “Những con đường nghẹn vì người đông. Những dòng sông nghẹn vì rác rưởi. Những ngọn gió nghẹn vì khói bụi. Những ban mai nghẹn trong tiếng còi xe. Bầu trời nghẹn vì những khối nhà, cứng nhắc và khô khốc. Va chạm và cãi vã. Chen chúc và cái kính” [6, tr.9]. Tác phẩm *Cái chậu gỗ và đàn ong* trong *Đến độ hoa vàng* miêu tả dòng sông lúc hiền hòa, lúc dữ dội. Nước chảy trôi như cuộc đời con người luôn thay đổi, nước cũng có tính cách như con người bởi vì lúc yên lặng, lúc dồn dập, lúc vấp vấp, ồn ào (*Đến độ hoa vàng*). Sông tiềm ẩn một sức mạnh ghê gớm, đã cuốn đi một người anh của nhân vật “tôi”. Trong *Mùa lạc mà không phải “mùa lạc”, Mưa trên tán cọ (Đến độ hoa vàng)*, con sông, con suối lúc hiền hòa, lúc hung dữ. Sau một trận mưa lớn cả đêm, nước dâng lên đột ngột “một dòng sông đầy nước đỏ ngầu, trôi đi rất nặng nề, mùi phù sa nồng ứ ra tứ phía, những cành sung mọc thấp đã bắt đầu nhúng xuống nước, mặt sông rộng ra có lẽ đến gấp đôi. Còn phía trước, phía cuối bãi bồi, cả dòng suối cũng đang sôi lên... Những cây mía giò màu tím bị nước cuốn đổ rạp theo dòng” [2, tr.28]. Trong truyện *Chạy dưới chân núi (Đến độ hoa vàng)*, người ta dùng tàu khai thác cát, khiến dòng sông có những chỗ sâu hoắm vô cùng nguy hiểm. Như vậy, nước không phải là bất biến mà luôn có sự chảy trôi như cuộc sống con người. Bất cứ một sự đổi thay nào của nước cũng ảnh hưởng đến cuộc sống con người. Dòng nước bị tổn thương

thì cuộc sống con người cũng trở nên khốn khó. Sự đổi thay của nước sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống con người. Nước và người có mối quan hệ tương hỗ với nhau.

Cổ mẫu nước trong tản văn của Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Bích Thúy đã bộc lộ sự tương đồng và khác biệt. Nước hiện diện trong hầu hết các tác phẩm của tản văn *Yêu người ngóng núi* (Nguyễn Ngọc Tư) và *Đến độ hoa vàng* (Đỗ Bích Thúy). Nước là một yếu tố quen thuộc, gắn liền với đời sống con người Việt Nam. Vì đặc trưng vùng miền, cổ mẫu nước tồn tại với những hình thái có đôi chút khác biệt trong hai tác phẩm này. Trong “*Yêu người ngóng núi*”, nước là sông, rạch, đìa, biển... gắn liền với địa lí vùng Tây Nam Bộ. Trong đó, biển luôn gắn liền với những thử thách đối với con người chứ không gần gũi như sông, rạch, đìa... Trong *Đến độ hoa vàng* (Đỗ Bích Thúy), nước là sông, suối, khe... gắn liền với địa lí vùng núi Đông Bắc. Về ý nghĩa, nét nghĩa là nguồn sống của cổ mẫu nước được khắc họa rõ trong cả hai tác phẩm. Dòng nước mang theo phù sa cho ruộng đồng, hiến dâng cho người cá, tôm... để nuôi dưỡng sự sống. Trong *Yêu người ngóng núi*, nước là không gian để con người di chuyển từ nhà này qua nhà khác, từ vùng này qua vùng khác... Mỗi nhà đều có kênh, rạch... trước nhà. Hình ảnh dòng nước hiền hòa luôn sống trong tâm khảm nhân vật. Điều này gắn liền với đặc điểm của vùng đồng bằng sông Cửu Long với kênh, rạch chằng chịt. Trong “*Đến độ hoa vàng*”, sông cũng gắn liền với cuộc sống con người nhưng thường gắn liền với những thử thách như dòng sông đổi dòng, nước sông lên cao... Dòng nước ở đây thường gắn liền với sự biến động. Bên cạnh đó, dòng nước còn gắn liền với những câu chuyện huyền thoại, những nghi lễ mang tính chất cột mốc trong cuộc đời con người thể hiện nét nghĩa thanh tẩy, tái sinh của cổ mẫu nước. Điều này phù hợp với đặc điểm của vùng núi phía Bắc với cảnh vật tự nhiên hùng vĩ, với khí hậu khắc nghiệt khiến con người luôn thể hiện sự gắn bó và tôn kính đối với tự

nhiên. Với cảm quan sinh thái, hai tác giả đều bộc lộ nỗi lo về sự mất cân bằng sinh thái khi con người khai thác quá mức những dòng sông, phá vỡ sự trong sạch của nguồn nước. Sự tổn thương của dòng nước sẽ làm ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống con người.

2.2. Cổ mẫu đất

Đất là nơi con người và vạn vật đi lại, sinh sống và tồn tại. Đất sinh ra và nuôi dưỡng vạn vật. Chính vì thế, cổ mẫu đất là một trong những cổ mẫu tự nhiên lâu đời nhất “Đất đồng nhất với người mẹ, đất là một biểu tượng của sức sản sinh và tái sinh. Đất sinh ra mọi sinh vật, nuôi dưỡng muôn loài để rồi tiếp nhận lại từ chúng cái mầm đầy sức sinh sôi nảy nở” [1, tr.288]. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân trong *Huyền thoại và văn học*, cổ mẫu đất vô cùng quan trọng “những tài liệu về triết học và văn hóa học ở Việt Nam, khi đề cập đến vũ trụ quan người Việt nói riêng (và phương Đông nói chung) thường nêu ra cặp phạm trù đối lập đầu tiên là đất và trời, tương ứng với mẹ và cha, âm và dương” [4, tr.285]. Sử thi Mường “Đẻ đất đẻ nước” với nhân vật mẹ Dạ Dàn đã đề cập rất sớm về cặp đôi cổ mẫu đất và nước.

Đất nuôi dưỡng vạn vật. Con người khi mất đi cũng trở về với đất. Đất giang tay đón nhận và che chở cho tất cả. Trong *Yêu người ngóng núi*, con người gắn bó với đất. Giữa vùng đất sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt; con người đi đi về về giữa đất và nước. Nếu dòng nước mang đến cho con người sự phiêu lưu thì đất mang lại cho con người sự bình yên, vững chắc. Nhân vật “tôi” lớn lên, đi về giữa làng quê và phố thị, thương nhớ khôn nguôi làng quê thơ ấu của mình. Ở đó có căn nhà, có đồng ruộng, có gia đình, có tình yêu, có tuổi thơ “không có đồ chơi đẹp nhưng có thiên đường đồng bãi cho trẻ con chạy nhảy” [6, tr.7]. Tản văn *Yêu người ngóng núi* là kí ức tuổi thơ bình yên trong những ngôi nhà, trên mảnh đất quê hương Nam Bộ. Trong *Đến độ hoa vàng*, tác giả phác họa kí ức tuổi thơ

ở vùng núi phía Bắc. Ở đó, người Mông ở trên núi phải gùi đất ở dưới thung lũng lên bỏ vào hộc đá để trồng ngô, để duy trì sự sống. Đất vất kiệt mình để nuôi dưỡng sự sống, nuôi dưỡng con người. Trong tác phẩm *Cái cây (Đến độ hoa vàng)*, khi nghe tin thung lũng và ngôi nhà tuổi thơ không còn níu giữ được nữa, người con của Hà Giang đã quyết định mang về thành thị một bụi cỏ dại, một nắm đất, một viên đá ở suối đầu nguồn. Đất sẽ nuôi cái cây lớn lên và giữ cho những kỉ niệm tuổi thơ còn mãi. Đất đai như có linh hồn, không chỉ là nguồn sống mà còn nuôi dưỡng tinh thần của con người. Tản văn *Yêu người ngóng núi, Đến độ hoa vàng* có cảm quan tương đồng khi nói về đất. Đất tận hiến cho sự sống nhưng hay bị lãng quên “Dưới chân anh là đất, chỉ cần cúi nhìn sẽ thấy, nhưng anh không nhìn” [6, tr.80]. Khi con người đã lớn lên, không còn ở vùng đất cũ nữa, con người lại thương nhớ khôn nguôi mảnh đất quê nhà.

Tản văn *Yêu người ngóng núi và Đến độ hoa vàng* đều bộc lộ sự bất an sinh thái. Đất bị khai thác cạn kiệt, bị tổn thương bởi độ mặn của nước biển, bởi nước sông dâng cao, bởi sự đô thị hóa. Đất không còn bình yên, vững chãi mà đã trở nên đầy biến động. Khi đất bị tổn thương, cuộc sống của con người cũng bị ảnh hưởng sâu sắc. Trong tập *Yêu người ngóng núi*, tác phẩm *Ôi hỡi diêu bông* miêu tả cảnh ông già phải bưng nhà cửa, mò mả đi chỗ khác để nhường chỗ cho khu công nghiệp; nhiều người không còn đất để canh tác. Tác phẩm *Bụi ngọt* tả cảnh khi nước dâng cao, đất bị uy hiếp bởi dòng nước, cuộc sống của người dân khó khăn cơ cực. Tác phẩm *Không dấu vết* bộc lộ nỗi lo băng tan, châu thổ sẽ chìm trong nước biển. Trong tản văn *Đến độ hoa vàng*; các tác phẩm *Cái cây, Nơi về, Ngôi nhà xưa* kể về thung lũng quê nhà của nhân vật “tôi” đã bị bê tông hóa với gạch đá, xi măng, với nhà cao tầng. Biết là cuộc sống đang được hiện đại hóa nhưng con người không khỏi xót xa. Đất đầy biến động khiến cho cuộc sống của nhân vật

cũng trở nên chao đảo, đất không còn là đất trong kí ức tuổi thơ để nhân vật có thể trở về.

Cổ mẫu đất đã có sự hiện diện vừa tương đồng vừa khác biệt trong tản văn của Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Bích Thúy. Trong *Yêu người ngóng núi và Đến độ hoa vàng*, đất sinh ra và nuôi dưỡng vạn vật. Trên mặt đất, vạn vật nảy mầm và sinh sôi. Cho đến khi sự sống của vạn vật chám dứt, tất cả lại trở về với đất. Đất mang lại sự bình yên và luôn che chở cho sự sống. Chính vì vậy, con người luôn gắn bó với đất. Khi nhân vật xa quê, hình ảnh mảnh đất quê hương luôn tồn tại trong tâm khảm nhân vật và thôi thúc nhân vật trở về. Với địa lí vùng đồng bằng sông Cửu Long, đất là nơi nuôi dưỡng những cánh đồng lúa, rặng dừa, vườn cây ăn quả... trong *Yêu người ngóng núi*. Trong *Đến độ hoa vàng*, với địa lí vùng núi phía Bắc, đất là thung lũng, là những núi đá nuôi dưỡng cây ngô, cây trám, cây lạc, cây vừng... Người dân phải mang đất từ thung lũng lên núi đá để trồng ngô. Trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt, đất vẫn chắt chiu nuôi dưỡng sự sống.

2.3. Cổ mẫu cây

Cổ mẫu cây có ý nghĩa là biểu hiện của sự sống, sự tuần hoàn. Bên cạnh đó, cây còn có thể có sự liên thông với tầng cao của vũ trụ. Nhà nghiên cứu E.M.Melentinsky cho rằng có những loại cây “có khả năng giữ được mối liên hệ giữa con người và thần linh, giữa trời và đất để hoàn thành nhiệm vụ của kẻ trung gian” [5, tr.284]. Cây vũ trụ được cho rằng có hai loại. Thứ nhất là “Các thần hình người thường hòa trộn với hình cây vũ trụ” [5, tr.282]. Thứ hai, liên thông giữa đất và trời có thể là “một con đường theo một thân cây mọc thẳng lên cao, theo một cái cột, một ngọn núi, theo những mắt xích của các mũi đầu cuối nối nhau, theo cầu vồng, theo một tia sáng, theo một cái thang...” [5, tr.286]. Trong công trình *Từ ký hiệu đến biểu tượng*, nhà nghiên cứu Trịnh Bá Đình xác định về cây vũ trụ: “Trong thần thoại các dân tộc thiểu số Việt Nam, biểu tượng cây vũ

trụ hay còn gọi là cây thế giới là cách gọi tên một số loại cây được miêu tả với sự đồ sộ, kì vĩ, khổng lồ. Các loài cây ấy được gọi là cây vũ trụ / thế giới bởi lẽ rễ cây chìm khuất trong đất và cành thì vươn lên trời, khắp nơi cây được xem như là một biểu tượng về những quan hệ đã thiết lập giữa đất và trời” [7, tr.196].

Cây được miêu tả nhiều trong các tập tản văn *Yêu người ngóng núi, Đến độ hoa vàng*. Trong *Yêu người ngóng núi*, cây là lúa, lau sậy, bằng lăng, thốt nốt, trám bầu, dừa nước, cỏ dại... Trong *Đến độ hoa vàng*, cây là lúa, ngô, cam, mận, lạc, trám, chuối rừng, vừng, cỏ dại... Cây là nguồn sống nuôi dưỡng con người. Trong *Yêu người ngóng núi*, con người sống nhờ cây lúa. Trong *Đến độ hoa vàng*, con người trồng lúa, trồng ngô để có lương thực. Cây cũng có sự sống như con người. Trong cái nhìn của nhân vật trong hai tản văn này, cây cũng biết vui, biết buồn, biết cảm thông và chia sẻ. Trong *Chập chòn lau sậy (Yêu người ngóng núi)*, cây sậy, cây thốt nốt, cây bằng lăng đầy sức sống. Đặc biệt, cây sậy có sức sống mạnh mẽ như con người. Cho dù nó là thân đơn lẻ, dù cô đơn vẫn vươn lên mạnh mẽ, hiên ngang trong nắng gió; vẫn hiên dáng nào thân, nào bông cho đời. Trong *Đến độ hoa vàng*, cây cũng có sức sống mạnh mẽ. Cây cỏ lấy từ Hà Giang về Hà Nội vẫn có sức sống mãnh liệt. Hạt cây vừng im lìm cả năm mới đột ngột trỗi dậy (*Cái cây*). Cây là nhân chứng chứng kiến sự đổi thay của con người, của cuộc sống như cây trám sống 70, 80 tuổi trong tác phẩm *Bên ngoài hàng rào một cây trám*. Cây còn mọc thành rừng, che chở cho mồ mả những người đã khuất, gắn liền với những chuyện kể linh thiêng (*Rừng mả, Hàng xóm*). Trong *Đến độ hoa vàng*, người nông dân rất yêu cây, yêu vườn. Gia đình nhân vật “tôi” đã chăm sóc từng cây trong vườn như chăm sóc một thành viên trong gia đình. Những cây mận, cây cam được trồng thừa vì người trồng không muốn cây phải chen lấn, phải đấu tranh để giành sự sống vì sự đấu tranh rất mệt mỏi, thiệt thòi.

Tản văn *Yêu người ngóng núi* và *Đến độ hoa vàng* đều có sự tồn tại của cỏ mẫu cây. Với đặc điểm địa lí khác nhau, mỗi tác phẩm miêu tả các loại cây trồng đặc trưng cho mỗi vùng miền. Tác phẩm *Yêu người ngóng núi* là các loại cây đặc trưng cho vùng đồng bằng Nam Bộ. Tác phẩm *Đến độ hoa vàng* là các loại cây tiêu biểu của vùng núi phía Bắc. Tuy nhiên, cỏ mẫu cây trong hai tác phẩm này đều biểu hiện những nét nghĩa cây là nguồn sống - cây nuôi dưỡng con người. Cây trở thành người bạn gắn bó với con người. Với đặc điểm của vùng núi phía Bắc hoang sơ, hùng vĩ với núi cao, rừng rậm; cỏ mẫu cây trong *Đến độ hoa vàng* còn biểu hiện nét nghĩa huyền thoại: những cây sống lâu năm có thể có sức mạnh siêu nhiên, liên thông giữa đất với trời.

2.4. Cỏ mẫu người nữ

Theo nhà nghiên cứu C.G.Jung, tính nữ hiện thân cho một phương diện của vô thức gọi là *anima*. *Anima* là hiện thân cho tất cả những khuynh hướng tâm lí nữ tính của tâm hồn con người, ví dụ như là những tình cảm, những tâm trạng mơ hồ, những trực giác tiên đoán, tính nhạy cảm về sự phi lí, năng lực tình yêu cá nhân, tình cảm đối với thiên nhiên và sau cùng - nhưng không phải là kém hơn - là những mối liên hệ với vô thức... *Anima* cũng có thể tượng trưng cho một ảo mộng về tình yêu, về hạnh phúc, về hơi ấm của người mẹ (cái tổ), một giấc mơ xúi giục con người quay lưng với thực tại” [1, tr.708].

Người nữ là nhân vật trung tâm của các tác phẩm trong tập tản văn *Yêu người ngóng núi, Đến độ hoa vàng*. Người nữ cũng như đất mẹ, là nơi sinh ra và nuôi dưỡng, che chở cho sự sống. Những người em gái, người chị, người vợ, người mẹ, người bà... che chở cho người thân, gia đình, cho những người họ gặp trong cuộc đời một cách âm thầm, lặng lẽ. Họ làm nhiều nghề khác nhau như làm ruộng, chài lưới, buôn bán, làm việc công sở... chăm chỉ và lương thiện. Tuy nhiên, người nữ thường vất vả và bị đối xử

bất công bởi những người thân yêu, bởi số phận. Tập *Yêu người ngóng núi* có người mẹ nghèo và bất hạnh nhưng vẫn cố gắng giữ cho mình sự bình thản để có thể tồn tại (*Chỉ là ghi lại một buổi trưa vô tình*), người phụ nữ tha phương làm nghề bán kem dạo và dắt theo một đàn con thơ (*Xóm cũ*), người mẹ già suốt đời chất chiu như bất cứ một người phụ nữ nào ở quê nhà (*Má, con và...*), người con gái bị cha từ mặt nên phải tha phương (*Cúi xuống là đất*), người mẹ mang theo đứa con tật nguyền đi ăn xin (*Công viên chiều nghi ngại*), người vợ một mình nuôi con để chồng đi làm ăn xa nhưng cuối cùng chị bị phụ bạc (*Nhớ người bớt cho nhớ với*). Trong *Đến độ hoa vàng*, tác giả chủ yếu kể về tuổi thơ và quê hương của mình. Người nữ làm nương rẫy, chăm vườn cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, chạp bạc, hái lá thuốc, đi lấy rêu ở suối... Ở đó, người mẹ, người bà luôn tần tảo, hi sinh hết mình cho những đứa con, đứa cháu của mình. Đằng sau những đứa con có cơm ăn, áo mặc, được đến trường là người cha, người mẹ lam lũ, thậm chí nhường cho con cả miếng ăn (*Tết của mẹ*). Người bà trong *Hàng xóm* (*Đến độ hoa vàng*) tuổi già sức yếu vẫn thường lên rừng hái lá thuốc giúp đỡ mọi người, lặn lội mà quyết liệt níu giữ mái nhà sàn cùng những nét văn hóa truyền thống của người Tày. Người con gái tên Thương phải sống với nhiều người vợ của bố. Sau này, Thương bị mất đi con trai khi con trên đường đi học về. Thương một mình đau đớn đến tiêu tụy trong khi chồng Thương vẫn chìm trong những cơn say triền miên trong *Chuyện của Thương* (*Đến độ hoa vàng*).

Cho dù bị cuộc đời đối xử bất công thì người nữ vẫn mang bản năng của một người mẹ luôn dịu dàng, hi sinh. Người mẹ luôn là trụ cột trong gia đình, che chở người thân của mình một cách tận hiến. Tản văn *Phía những người yêu* (*Yêu người ngóng núi*) khẳng định trong nỗi xót xa rằng người mẹ Việt Nam luôn mang trong mình những nỗi lo, cả cuộc đời những người mẹ là dành cho những đứa con của mình. Trong *Công*

viên chiều nghi ngại (*Yêu người ngóng núi*), cô bán nước buổi dù nghèo khó vẫn chất chiu giúp đỡ cho người mẹ có đứa con tật nguyền. Trong *Vai diễn cuộc đời* (*Yêu người ngóng núi*), người mẹ không phải là người mẹ truyền thống nữa; người mẹ nơi thành thị có công việc, có đồng nghiệp nơi công sở. Người mẹ thành thị có những nỗi khổ riêng. Người mẹ này cảm thấy như mình đang đi trên dây, chênh vênh giữa công việc và gia đình, luôn cảm thấy áy náy vì mình không thể toàn tâm toàn ý với con. Trong *Vài ba trăng khuyết* (*Yêu người ngóng núi*), em gái lúc mẹ sinh ra đã không có cha, em gái lớn lên bị tật nguyền, bị ghẻ lạnh nhưng vẫn siêng năng, tận tụy chăm sóc người thân của mình và giúp đỡ người khác. Em hồn nhiên như một thiên thần lạc xuống trần gian. Trong *Mưa nắng phai ai* (*Yêu người ngóng núi*), người bà luôn giữ niềm tin miên viễn vào sự tốt đẹp của con người. Bà tin rằng người hại người là do con người bị ma nhập. Bà không thể nào tin con người lại hại chính đồng loại của mình. Sự thánh thiện của bà đã che chở tinh thần của những đứa cháu suốt thời thơ ấu. Cho đến khi cháu của bà lớn lên, gặp những khó khăn của cuộc đời mà không còn bà bên cạnh để chở che, cháu mới thấy hụt hẫng đến đón đau. Tập tản văn *Đến độ hoa vàng* là những nét phác họa về tuổi thơ, gia đình, những người hàng xóm. Trong đó, người nữ là những người bà, người mẹ, người chị luôn lo lắng, che chở cho những đứa cháu, đứa con, đứa em của mình. Những người mẹ tần tảo nuôi con mình, con chồng trong *Chuyện của Thương* (*Đến độ hoa vàng*). Đến lượt mình, Thương cũng che chở cho những đứa con, chăm sóc mẹ của mình một cách tận hiến. Tác phẩm *Đến độ hoa vàng* đã nhận định chung về người phụ nữ trong *Mùa phơi chăn*: “Những lo âu không bao giờ từ bỏ tâm trí một người đàn bà, suốt đời làm thân con kiến tha mồi về tổ” [2, tr.201].

Trong *Yêu người ngóng núi*, nhân vật nữ là con người của vùng đất Nam Bộ, của cuộc sống miền sông nước của đồng bằng sông Cửu Long.

Trong *Đến độ hoa vàng*, nhân vật nữ là những người phụ nữ của vùng núi phía Bắc, nhiều người là đồng bào dân tộc thiểu số, gắn liền với cuộc sống nơi rừng núi và thung lũng. Được viết bởi các nhà văn nữ, tản văn *Yêu người ngóng núi* và *Đến độ hoa vàng* có cảm quan tương đồng về người nữ. Nhân vật nữ luôn là trung tâm trong các tác phẩm này, được tái hiện một cách đầy đủ từ lời nói, hành động đến tình cảm, tính cách, số phận. Họ đều là những con người nhỏ bé, bình dị. Ở đây, người nữ như đất mẹ; nuôi dưỡng, che chở cho sự sống. Tuy nhiên, người nữ cũng chịu nhiều thiệt thòi, bất công. Họ sống đề cao tình cảm, với tinh thần tận hiến nhưng không phải lúc nào cũng được đền đáp. Văn xuôi phi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Bích Thúy đã nói ra nghịch lí của cuộc đời nhiều người nữ trong xã hội, là tiếng nói phản kháng đối với sự bất bình đẳng giới.

3. Kết luận

Tản văn *Yêu người ngóng núi* của Nguyễn Ngọc Tư và *Đến độ hoa vàng* của Đỗ Bích Thúy là các tác phẩm tiêu biểu của tản văn Việt Nam đương đại. Tác phẩm thể hiện đậm đà văn hóa, cuộc sống, con người Việt Nam. Hai tác phẩm này được viết bởi hai cây bút nữ ở hai vùng miền của đất nước, mỗi vùng miền có đặc điểm địa lí khác nhau, hình thái và từng nét nghĩa của các cổ mẫu được tô đậm có đôi chút khác biệt. Tuy nhiên, cảm quan về cuộc sống và con người thể hiện ở các tác phẩm này có nhiều sự tương đồng. Các cổ mẫu tiêu biểu nhất ở các tác phẩm này là cổ mẫu nước, cổ mẫu đất, cổ mẫu cây, cổ mẫu người nữ. Nước không chỉ là nguồn sống mà còn là nơi chứng kiến con người sinh ra và lớn lên,

có thể khiến con người thanh tẩy và tái sinh. Cổ mẫu đất là nguồn sống, là nơi con người gắn bó. Cổ mẫu cây không chỉ là nguồn sống mà còn mang sự sống như chính con người. Cổ mẫu người nữ có nhiều điểm tương đồng với cổ mẫu đất, nuôi dưỡng và che chở cho sự sống nhưng phải chịu nhiều bất công, ngang trái.

Nhà văn đã để nhân vật, người đọc chìm trong thế giới cổ mẫu sinh thái tự nhiên; thể hiện khát khao sống hòa hợp cùng tự nhiên trong bối cảnh môi trường sống đang bị đe dọa. Cổ mẫu người nữ thể hiện nỗi bất an sinh thái xã hội, hướng tới sự bình đẳng nam nữ để đảm bảo sự phát triển bền vững. Với các tác phẩm tản văn này, các nhà văn đã chọn lọc, chuyển hóa công phu những gì ra đi từ truyền thống để cấp cho cổ mẫu những ý nghĩa mới mang hơi thở hiện thực và thể hiện sự tiên bộ trong nghệ thuật phản ánh cuộc sống.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chevalier, J., Gheerbrant, A. (2002). Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số (Phạm Vĩnh Cư dịch). Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng.
- [2] Thúy, Đ.B. (2013). Đến độ hoa vàng. Hà Nội: Nxb Văn học.
- [3] Jung, C.G. (2007). Thăm dò tiềm thức (Vũ Đình Lưu dịch). Hà Nội: Nxb Tri thức.
- [4] Khoa Ngữ văn và Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. (2007). Huyền thoại và văn học. TPHCM: Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [5] Meletinsky, E.M. (2004). Thi pháp của huyền thoại, (Trần Nho Thìn, Song Mộc dịch). Hà Nội: Nxb Đại học quốc gia.
- [6] Tư, N.N. (2009). Yêu người ngóng núi. TPHCM: Nxb Trẻ.
- [7] Đĩnh, T.B. (chủ biên). (2018). Từ ký hiệu đến biểu tượng. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.